

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**  
**Báo cáo tài chính trước kiểm toán**  
*Quý 1 năm 2010*

# MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán	1 - 2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4
4. Thuyết minh báo cáo tài chính	5 - 18

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>179.944.865.769</b>	<b>183.053.893.298</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.732.279.334</b>	<b>4.626.039.677</b>
1. Tiền	111	V.01	6.732.279.334	4.626.039.677
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	V.02	<b>83.161.915.046</b>	<b>102.633.806.673</b>
1. Phải thu khách hàng	131		46.825.791.038	67.602.973.664
2. Trả trước cho người bán	132		16.793.619.369	1.626.590.154
3. Các khoản phải thu khác	138		20.895.624.639	34.070.282.386
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.353.120.000)	(666.039.531)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.03	<b>83.245.411.402</b>	<b>71.119.174.787</b>
1. Hàng tồn kho	141		83.245.411.402	71.119.174.787
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.805.259.987</b>	<b>4.674.872.161</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	753.699.472	982.695.231
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.05	6.051.560.515	3.692.176.930
3. Các khoản thuế phải thu	152		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>91.405.864.650</b>	<b>92.767.586.974</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36.045.669.908</b>	<b>37.514.588.287</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	19.414.926.728	23.768.747.478
- Nguyên giá	222		37.563.692.503	40.736.176.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.148.765.775)	(16.967.428.930)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.07	11.340.901.061	8.616.179.742
- Nguyên giá	228		12.176.380.170	9.323.535.170
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(835.479.109)	(707.355.428)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	5.289.842.119	5.129.661.067
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>53.558.324.057</b>	<b>53.558.324.057</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09	53.558.324.057	53.558.324.057
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.801.870.685</b>	<b>1.694.674.630</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.801.870.685	1.694.674.630
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>271.350.730.419</b>	<b>275.821.480.272</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>145.728.658.296</b>	<b>152.625.559.085</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>145.728.658.296</b>	<b>152.625.559.085</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	102.716.382.163	107.431.764.396
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	26.057.489.403	38.808.540.952
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	378.594.046	1.275.150.489
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		-	-
5. Phải trả công nhân viên	315		990.293.394	1.324.413.644
6. Chi phí phải trả	316		435.275.840	289.895.637
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	15.150.623.450	3.495.793.967
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.14	<b>125.622.072.123</b>	<b>123.195.921.187</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>124.183.209.565</b>	<b>122.690.133.552</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.306.550.000	31.306.550.000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.728.367.679	3.616.734.255
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		8.148.291.886	7.766.849.297
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.438.862.558</b>	<b>505.787.635</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.438.862.558	505.787.635
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>271.350.730.419</b>	<b>275.821.480.272</b>
			-	-
<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>Số cuối năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gửi			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH - USD			85.238,00	95,573,93
Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH - EUR			-	2,822.89
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

\_\_\_\_\_  
**NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ**  
 KT Kế toán trưởng  
 Kế toán

\_\_\_\_\_  
**NGUYỄN TÙNG DƯƠNG**  
 Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2010 đến 31/03/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	QUÝ 1		LŨY KẾ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng</b>	01		<b>79.670.201.826</b>	<b>74.226.416.883</b>	<b>79.670.201.826</b>	<b>74.226.416.883</b>
2. Các khoản giảm trừ	03		1.935.993.600	1.839.363.168	1.935.993.600	1.839.363.168
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng</b>	10	VI.15	<b>77.734.208.226</b>	<b>72.387.053.715</b>	<b>77.734.208.226</b>	<b>72.387.053.715</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		60.298.651.406	66.433.143.685	60.298.651.406	66.433.143.685
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng</b>	20		<b>17.435.556.820</b>	<b>5.953.910.030</b>	<b>17.435.556.820</b>	<b>5.953.910.030</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16	6.137.221.686	1.037.579.363	6.137.221.686	1.037.579.363
7. Chi phí tài chính	22	VI.17	1.514.606.198	1.572.181.550	1.514.606.198	1.572.181.550
- Trong đó: lãi vay	23		1.514.606.198	1.158.171.071	1.514.606.198	1.158.171.071
8. Chi phí bán hàng	24	VI.18	8.802.315.579	7.598.774.549	8.802.315.579	7.598.774.549
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.19	7.470.812.334	1.269.062.511	7.470.812.334	1.269.062.511
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>5.785.044.395</b>	<b>-3.448.529.217</b>	<b>5.785.044.395</b>	<b>-3.448.529.217</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.20	92.523.372	531.269.056	92.523.372	531.269.056
12. Chi phí khác	32	VI.21	1.049.591.482	110.664.000	1.049.591.482	110.664.000
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		<b>-957.068.110</b>	<b>420.605.056</b>	<b>-957.068.110</b>	<b>420.605.056</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.827.976.285</b>	<b>-3.027.924.161</b>	<b>4.827.976.285</b>	<b>-3.027.924.161</b>
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.22				
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52					
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>59</b>		<b>4.827.976.285</b>	<b>-3.027.924.161</b>	<b>4.827.976.285</b>	<b>-3.027.924.161</b>
<b>18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>60</b>	VI.23	<b>603</b>	<b>-378</b>	<b>603</b>	<b>-378</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

**NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ**

KT Kế toán trưởng

Kế toán

Ngày 15 tháng 04 năm 2010

**NGUYỄN TÙNG DƯƠNG**

KT. Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2010 đến 31/03/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	QUÝ 1		LŨY KẾ	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>4.827.976.285</b>		<b>4.827.976.285</b>	
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>					
Khấu hao tài sản cố định	02	1.309.460.526		1.309.460.526	
Các khoản dự phòng	03	687.080.469		687.080.469	
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(5.000.000.000)		(5.000.000.000)	
Chi phí lãi vay	06	1.514.606.198		1.514.606.198	
<b>LN thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>3.339.123.478</b>		<b>3.339.123.478</b>	
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	21.654.423.332		21.654.423.332	
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(12.126.236.615)		(12.126.236.615)	
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(4.583.343.905)		(4.583.343.905)	
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	(107.196.055)		(107.196.055)	
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.514.606.198)		(1.514.606.198)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần HĐKD</b>	<b>20</b>	<b>6.662.164.037</b>		<b>6.662.164.037</b>	
<b>Lưu chuyển tiền từ đầu tư</b>					
Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21	159.457.853		159.457.853	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>159.457.853</b>		<b>159.457.853</b>	
<b>Lưu chuyển tiền HD tài chính</b>					
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31				
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32				
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	33	95.524.794.400		95.524.794.400	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(100.240.176.633)		(100.240.176.633)	
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.715.382.233)</b>		<b>(4.715.382.233)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>2.106.239.657</b>		<b>2.106.239.657</b>	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60				
<b>Tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>2.106.239.657</b>		<b>2.106.239.657</b>	

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

**NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ**

KT Kế toán trưởng

Kế toán

Ngày 15 tháng 04 năm 2010

**NGUYỄN TÙNG DƯƠNG**

Phó Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009*

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gò Đàng được chuyển đổi từ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Gò Đàng Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 530300064 ngày 11/5/2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng, được chia thành 8.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2009 là                      người.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thu mua thủy sản, chế biến và nuôi trồng thủy sản;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Đầu tư tài chính;
- Mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty là thu mua, chế biến và nuôi trồng thủy sản.

#### 3. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại

#### 4. Danh sách các công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng	Phường Cô Giang - quận 1 - Tp. HCM	Thương mại và dịch vụ	99%	100%
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát	Khu Công nghiệp Gò Đàng - Tiền Giang	Thương mại và dịch vụ	99,8%	100%
Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức	Khu Công nghiệp Gò Đàng - Tiền Giang	Thương mại và dịch vụ	99%	100%

### I. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009*

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

**2. Chuẩn mực kế toán và chế độ áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính;  
Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm;  
Ngôn ngữ sử dụng trong ghi chép kế toán: Tiếng Việt;  
Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

**II. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).



**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

***Dự phòng cho hàng tồn kho***

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**5. Tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa	05 - 07
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Thiết bị quản lý	07
Phương tiện vận chuyển	05 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 06

**6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

***Phần mềm***

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của những tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

**8. Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa nhà xưởng và công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**9. Chi phí lãi vay**

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

**10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**11. Tiền lương và các khoản trích theo lương**

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 15% và 5 % từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 2% và 1% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

**12. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**13. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng (giảm) do phát hành cổ phiếu cao (thấp) hơn mệnh giá và chênh lệch tăng (giảm) so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

**14. Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ, công cụ vốn sở hữu được Công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**16. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**17. Ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

**18. Các bên liên quan**

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

**19. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Công ty đã được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm từ năm 2006 đến năm 2008. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50%.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2010 đến 31/03/2010*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán**

<b>1. Tiền</b>	<b>31/03/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Tiền mặt	323.130.043	631.747.744
Tiền gửi ngân hàng - VND	6.234.490.924	2.193.967.786
Tiền gửi ngân hàng - Ngoại tệ	174.658.367	1.800.324.147
<b>Cộng</b>	<b>6.732.279.334</b>	<b>4.626.039.677</b>
	-	-
<b>2. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>31/03/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Phải thu khách hàng	46.825.791.038	67.602.973.664
Trả trước cho người bán	16.793.619.369	1.626.590.154
Phải thu khác <span style="float: right;">(2.1)</span>	20.895.624.639	34.070.282.386
<b>Cộng</b>	<b>84.515.035.046</b>	<b>103.299.846.204</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	1.353.120.000	666.039.531
<b>Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>83.161.915.046</b>	<b>102.633.806.673</b>
	-	-
(2.1) Chi tiết các khoản phải thu khác:	<b>31/03/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Phải thu tiền cho mượn đến các Công ty con	3.342.740.000	13.008.413.214
Phải thu tiền hoàn thuế	153.105.787	1.722.219.128
Phải thu ứng trước tiền đất và thi công công trình	6.125.255.000	6.125.255.000
Cổ tức còn phải thu từ Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát		10.000.000.000
Các khoản phải thu khác	10.104.528.260	2.015.477.670
Tạm ứng nhân viên	1.074.545.192	1.103.466.974
Ký quỹ thuê mặt bằng (phân xưởng Bình Đức)	95.450.400	95.450.400
<b>Cộng</b>	<b>20.895.624.639</b>	<b>34.070.282.386</b>
	-	-
<b>3. Hàng tồn kho</b>	<b>31/03/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Nguyên vật liệu	720.639.170	215.180.302
Công cụ, dụng cụ	4.127.920.924	3.631.301.940
Chi phí sản xuất dở dang	29.700.988.703	29.862.567.889
Thành phẩm tồn kho	48.264.200.918	36.978.462.969
Hàng hóa tồn kho	431.661.687	431.661.687
<b>Cộng</b>	<b>83.245.411.402</b>	<b>71.119.174.787</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>83.245.411.402</b>	<b>71.119.174.787</b>
	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2010 đến 31/03/2010**

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>4. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	Năm 2010	Năm 2009
Số đầu năm	982.695.231	921.822.836
Phát sinh trong năm	385.875.307	3.088.042.630
Kết chuyển chi phí	614.871.066	3.027.170.235
Trừ các khoản giảm khác		-
<b>Số cuối năm</b>	<b>753.699.472</b>	<b>982.695.231</b>

Chi phí trả trước ngắn hạn được kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là một năm.

<b>5. Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>31/03/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	6.051.560.515	3.692.176.930

<b>6. Tài sản cố định hữu hình</b>	Đơn vị tính: Ngàn đồng					
	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	10.323.017	24.756.169	4.267.496	145.192	1.244.302	40.736.176
Tăng	-	11.078	-	-	-	11.078
Giảm	-	-	3.183.561	-	-	3.183.561
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.323.017</b>	<b>24.767.247</b>	<b>1.083.935</b>	<b>145.192</b>	<b>1.244.302</b>	<b>37.563.693</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	5.282.956	10.571.242	526.637	36.298	550.296	16.967.429
Tăng	298.466	826.450	54.300	5.184	49.996	1.234.396
Giảm	-	-	53.059	-	-	53.059
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.581.422</b>	<b>11.397.692</b>	<b>527.878</b>	<b>41.482</b>	<b>600.292</b>	<b>18.148.766</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	5.040.061	14.184.927	3.740.859	108.894	694.006	23.768.747
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.741.595</b>	<b>13.369.555</b>	<b>556.057</b>	<b>103.710</b>	<b>644.010</b>	<b>19.414.927</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm mới.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2010 đến 31/03/2010**

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>7. Tài sản cố định vô hình</b>	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	9.284.656.870	38.878.300	9.323.535.170
Tăng	2.852.845.000	-	2.852.845.000
Giảm	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b> (*)	<b>12.137.501.870</b>	<b>38.878.300</b>	<b>12.176.380.170</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	670.143.794	37.211.634	707.355.428
Tăng	128.123.681	-	128.123.681
Giảm	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>798.267.475</b>	<b>37.211.634</b>	<b>835.479.109</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	8.614.513.076	1.666.666	8.704.490.075
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11.339.234.395</b>	<b>1.666.666</b>	<b>11.340.901.061</b>

(\*) Trong đó, nguyên giá của những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.721.428.258 đồng. Công ty chưa tiến hành trích khấu hao đưa vào chi phí cho những tài sản cố định này kể từ khi mua đến nay.

Nguyên giá TSCĐ vô hình tăng do mua sắm mới và đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

<b>8. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	31/03/2010	01/01/2010
Công trình xây dựng nhà trọ nhân viên		-
Công trình khu nuôi cá	2.956.521.892	2.956.521.892
Mua sắm tài sản cố định (*)	1.768.629.770	1.768.629.770
Các công trình khác	564.690.457	404.509.405
<b>Cộng</b>	<b>5.289.842.119</b>	<b>5.129.661.067</b>

(\*) Bao gồm chi phí mua phần mềm quản lý là 579.768.010 đồng và chi phí mua 02 dàn lạnh cùng phụ kiện chất làm lạnh là 1.188.861.760 đồng. Hiện tại các tài sản này vẫn đang được vận hành thử.

**9. Đầu tư vào công ty con**

Tên Công ty	Vốn điều lệ đăng ký	Thời điểm thành lập	Tỷ lệ biểu quyết		Vốn phải góp	Vốn đã góp đến 31/12/2009
			Trực tiếp	Gián tiếp		
Công ty TNHH TM Gò Đàng	3.800.000.000	30/10/1998	99%	1%	3.762.000.000	3.059.324.057
Công ty TNHH XNK TS An Phát	50.000.000.000	25/05/2006	99,8%	0,2%	49.900.000.000	49.900.000.000
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	1.000.000.000	04/10/2005	99%	1%	990.000.000	599.000.000
<b>Cộng</b>	<b>54.800.000.000</b>				<b>54.652.000.000</b>	<b>53.558.324.057</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2010 đến 31/03/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trong năm 2010, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát là 5.000.000.000 đồng.

10. Chi phí trả trước dài hạn	Quý 1/2010	Năm 2009
Số đầu năm (01/01)	1.694.674.630	999.278.743
Phát sinh trong năm	259.248.000	1.019.535.680
Kết chuyển chi phí	152.051.945	324.139.793
Trừ các khoản giảm khác		
<b>Số cuối năm (31/03)</b>	<b>1.801.870.685</b>	<b>1.694.674.630</b>

Chi phí trả trước dài hạn vào ngày 31/03/2010, bao gồm:

Tiền thuê đất (*)	634.255.196
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	874.935.254
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	292.680.235
<b>Cộng</b>	<b>1.801.870.685</b>

(\*) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 10/HĐ-TLĐ ngày 31/12/2003 và phụ lục hợp đồng ngày 10/10/2007, diện tích thuê 5.000 m<sup>2</sup> đất tại lô 45 khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang, thời hạn thuê từ ngày 18/12/2002 đến ngày 20/9/2047, tổng giá trị tiền thuê (đã bao gồm thuế VAT) là 50,000.00 USD.

11. Vay và nợ ngắn hạn	31/03/2010	01/01/2010
Vay ngắn hạn	102.716.382.163	107.431.764.396
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>102.716.382.163</b>	<b>107.431.764.396</b>

### Chi tiết các khoản nợ vay ngân hàng

	Đầu năm	Tăng	Đơn vị tính: ngàn đồng	
			Giảm	Cuối năm
NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	-			
NH TMCP Xuất Nhập khẩu VN	48.595.590	61.624.548	71.445.736	38.774.402
NH TMCP Liên Việt (11.1)	27.494.440	25.400.246	18.294.440	34.600.246
NH Ngoại Thương VN (11.2)	10.000.000	8.500.000	10.000.000	8.500.000
NH Công Thương VN - CN 8	-			-
Công ty Sành sứ Thủy tinh VN	1.321.426			1.321.426
Nguyễn Thị Thanh Trúc (11.3)	17.909.281		500.000	17.409.281
Lê Sơn Tùng	2.111.027			2.111.027
<b>Cộng</b>	<b>107.431.764</b>	<b>95.524.794</b>	<b>100.240.176</b>	<b>102.716.382</b>

(11.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) - CN TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 378-09/HĐTD-HCM ngày 08/9/2009; hạn mức vay: 50 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Quyền sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Giồng Rôm, tỉnh Bến Tre; quyền thuê đất cùng với nhà xưởng tại Lô 45 KCN Mỹ Tho - Tiền Giang và máy móc thiết bị kho lạnh với tổng giá trị theo định giá của ngân hàng là 16,17 tỷ đồng.



# CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2010 đến 31/03/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Một phần giá trị tài sản là nhà xưởng thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát với tổng giá trị theo định giá là 21,9 tỷ đồng.

- Hàng hóa tồn kho thành phẩm trong quá trình luân chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng là: cá tra fillet thành phẩm; nghêu, sò lông, tôm, mực thành phẩm.

(11.2) Vay theo chương trình hỗ trợ lãi suất của Chính phủ từ **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Tiền Giang** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/CV/0063/TD2/09LD ngày 13/7/2009. Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng;

(11.3) Vay ngắn hạn từ cá nhân **Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc** theo 02 hợp đồng vay ký ngày 01/01/2009 với lãi suất vay dao động từ 0,9% - 1,1%/tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	31/03/2010	01/01/2010
Phải trả người bán	26.057.489.403	38.808.540.952
Người mua trả tiền trước	378.594.046	1.275.150.489
<b>Cộng</b>	<b>26.436.083.449</b>	<b>40.083.691.441</b>
13. Phải trả khác	31/03/2010	01/01/2010
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	162.478.230	126.349.739
Các khoản vay, mượn cá nhân và tổ chức không lãi suất		
Tiền nhận đặt cọc mua phế phẩm, phế liệu	3.358.500.000	3.258.500.000
Các khoản phải trả khác	11.629.645.220	110.944.228
<b>Cộng</b>	<b>15.150.623.450</b>	<b>3.495.793.967</b>

### 14. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: ngàn đồng

#### Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng, được chia thành 8.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng. Tại ngày 31/12/2009, các cổ đông đăng ký và góp vốn như sau:

Cổ đông	Vốn đăng ký		Vốn góp thực tế	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
<b>Cổ đông sáng lập</b>				
Nguyễn Văn Đạo	500.000	5.000.000.000	1.634.160	16.341.600.000
Nguyễn Thị Thanh Trúc	500.000	5.000.000.000	1.634.160	16.341.600.000
Lê Sơn Tùng	600.000	6.000.000.000	958.101	9.581.010.000
<b>Nhóm cổ đông khác</b>	6.400.000	64.000.000.000		
Công ty CP Sành sứ Thủy tinh Việt Nam	-	-	1.101.188	11.011.880.000
Lê Thị Liêm	-	-	801.088	8.010.880.000
Các cổ đông khác	-	-	1.871.303	18.713.030.000
<b>Cộng</b>	<b>8.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>8.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2010 đến 31/03/2010*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
<b>Vốn chủ sở hữu</b>				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	31.306.550.000	-	-	31.306.550.000
Cổ phiếu ngân quỹ	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	3.616.734.255	1.111.633.424	-	4.728.367.679
Lợi nhuận chưa phân phối	7.766.849.297	4.827.976.285	4.446.533.696	8.148.291.886
<b>Cộng</b>	<b>122.690.133.552</b>	<b>5.939.609.709</b>	<b>4.446.533.696</b>	<b>124.183.209.565</b>
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>				
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	505.787.635	3.334.900.272	2.401.825.349	1.438.862.558
<b>Tổng cộng</b>	<b>123.195.921.187</b>	<b>9.274.509.981</b>	<b>6.848.359.045</b>	<b>125.622.072.123</b>

**Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:**

	<b>Quý 1/2010</b>	<b>Năm 2009</b>
Trích quỹ dự phòng tài chính	1.111.633.424	860.597.147
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.334.900.272	344.238.858
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	9.600.000.000
Bù đắp các khoản chi khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.446.533.696</b>	<b>10.804.836.005</b>

**Cổ phiếu quỹ**

	<b>Quý 1/2010</b>	<b>Năm 2009</b>
Số dư đầu năm	-	(200.900.000)
Mua trong năm	-	(91.000.000)
Bán trong năm	-	291.900.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thặng dư cổ phần	-	18.840.000

**c - Cổ phiếu**

	<b>31/03/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2010 đến 31/03/2010*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		
<b>VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
<b>15. Doanh thu</b>	<b>Quý 1/2010</b>	<b>Năm 2009</b>
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	70.682.312.689	346.812.988.931
Doanh thu bán hàng - Trong nước	8.087.795.341	46.483.084.713
Doanh thu gia công và doanh thu khác	900.093.796	9.589.274.868
<b>Cộng</b>	<b>79.670.201.826</b>	<b>402.885.348.512</b>
<b>Trừ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Giảm giá hàng bán		(666.039.531)
Hàng bán bị trả lại	(1.935.993.600)	(3.369.844.371)
<b>Cộng doanh thu thuần</b>	<b>77.734.208.226</b>	<b>398.849.464.610</b>
	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>16. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Quý 1/2010</b>	<b>Năm 2009</b>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	11.724.873	1.240.718.684
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.125.496.813	2.602.373.244
Cổ tức được chia	5.000.000.000	16.000.000.000
Thu nhập tài chính khác		5.176.658
<b>Cộng</b>	<b>6.137.221.686</b>	<b>19.848.268.586</b>
	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>17. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>Quý 1/2010</b>	<b>Năm 2009</b>
Chi phí lãi vay	1.440.903.272	4.960.713.408
Lỗ chênh lệch tỷ giá	73.702.926	495.311.461
<b>Cộng</b>	<b>1.514.606.198</b>	<b>5.456.024.869</b>
	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>18. Chi phí bán hàng</b>	<b>Quý 1/2010</b>	<b>Năm 2009</b>
Chi phí vật liệu, bao bì	3.475.354.283	-
Chi phí vận chuyển, cước tàu ...	5.102.626.911	21.065.407.645
Chi hoa hồng môi giới	48.019.400	334.166.811
Chi phí bằng tiền khác	176.314.985	222.772.313
<b>Cộng</b>	<b>8.802.315.579</b>	<b>21.622.346.769</b>
	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>19. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Quý 1/2010</b>	<b>Năm 2009</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.884.796.291	4.128.518.408
Chi phí công cụ dụng cụ	4.306.251	1.145.634.288
Chi phí khấu hao TSCĐ	261.202.147	532.703.177
Chi phí thuê kho	3.600.000.000	12.240.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2010 đến 31/03/2010*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.984.301	1.146.142.412
Chi phí bằng tiền khác	1.548.523.344	1.517.484.340
<b>Cộng</b>	<b>7.470.812.334</b>	<b>20.710.482.625</b>
	-	
<b>20. Thu nhập khác</b>	<b>Quý 1/2010</b>	<b>Năm 2009</b>
Thu thanh lý tài sản		-
Thu bán phế liệu		361.095.590
Thu nhập khác	92.523.372	790.689.245
<b>Cộng</b>	<b>92.523.372</b>	<b>1.151.784.835</b>
	-	
<b>21. Chi phí khác</b>	<b>Quý 1/2010</b>	<b>Năm 2009</b>
Chi thanh lý tài sản cố định		-
Chi phí không có hoá đơn chứng từ	1.049.591.482	603.534.023
<b>Cộng</b>	<b>1.049.591.482</b>	<b>603.534.023</b>
	-	
<b>22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>Quý 1/2010</b>	<b>Năm 2009</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.827.976.285	12.629.846.523
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(5.000.000.000)	(16.000.000.000)
Các khoản không được khấu trừ	-	836.816.033
Các khoản chưa được khấu trừ	-	-
Lỗi các năm trước chuyển sang	(2.533.337.444)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay	(2.705.361.159)	(2.533.337.444)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	15%	15%
Thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN được miễn/giảm	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	-	
<b>23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Quý 1/2010</b>	<b>Năm 2009</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.827.976.285	12.629.846.523
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8.000.000	8.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>603</b>	<b>1.579</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2010 đến 31/03/2010**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

**NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ**

KT Kế toán trưởng

Kế toán

Ngày 15 tháng 04 năm 2010

**NGUYỄN TÙNG DƯƠNG**

Phó Tổng Giám đốc